

PHẦN III

THỜI QUÂN CHỦ (tiếp) GIAI ĐOẠN SAU HẠN SUY, HỒ MẠNH

Chương VI

DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA MÔNG CỔ NHÀ NGUYÊN (1277-1367)

Tổng Quan

Tới đây chúng ta bước vào một giai đoạn mới của lịch sử Trung Hoa mà có sử gia (Lombard cho là *thời ổn định* (atabilisàtion), nghĩa là quốc gia Trung Hoa từ nay không còn những cảnh loạn lạc, chia rẽ, phân tán thành cả chục nước như thời Nam Bắc Triều (cuối Hán), thời Ngũ Đại (cuối Đường) hoặc ít nhất cũng làm hai, ba nước như thời Tam Quốc và thời Tống; có sử gia (Eberhard) lại cho là *thời Cận đại* của lịch sử Trung Hoa có thể so sánh với thời Cận đại của Âu Tây,

vì ở Trung Hoa giai cấp sĩ tộc giàu có và cầm quyền bấy giờ mạnh lên, hơi giống giai cấp bourgeoisie ở phương Tây. Tôi nói *hơi giống* và chính Eberhard cũng nhận rằng phải tới sau cách mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa mới thực sự có giai cấp bourgeoisie hoàn toàn dựa vào những hoạt động chính trị.

Chúng tôi đứng về một phương diện khác mà xét thì thấy ba triều Nguyên, Minh, Thanh là thời suy của dân tộc Trung Hoa, *dân tộc Hán*. Lịch sử Trung Hoa là lịch sử một dân tộc văn minh rất sớm, mở mang được một bờ cõi rất rộng, ở sát nách các dân tộc du mục, hiếu chiến phương Bắc (Đông và Tây), và suốt hai ngàn rưỡi năm, tới cuối đời Tống, chỉ là một cuộc tranh đấu để sinh tồn giữa họ với các rợ đó. Cuộc tranh đấu bất tuyệt và thật gay go : Hề dân tộc Trung Hoa thịnh lên (đầu Chu, đầu Hán, đầu Đường) thì các rợ phải lùi về các cánh đồng cỏ của họ, đợi lúc Trung Hoa suy thì lại từng đoàn, từng đoàn phi ngựa qua cướp bóc, chiếm lúa gạo, của cải, đất đai. Cuối đời Hán chúng đã len lỏi vào làm chủ được một phần Hoa Bắc trong hai thế kỷ rưỡi. Đường mạnh lên, đuổi chúng đi, cuối Đường chúng trở lại, làm chủ được gần nửa Hoa Bắc trên nửa thế kỷ, rồi lại rút đi, nhưng không rút đi hết, một phần Hoa Bắc vẫn còn thuộc rợ Liêu và rợ Kim đã Hán hóa khá nhiều, có thể chế, có tổ chức mạnh, rồi tới cái mức Tống tuy đã thu lại được ba phần tư non sông, mà không búng chúng đi được, phải chịu lép, nhận chúng như nước đàn anh, nộp cống (thực ra là thuê hàng năm) cho chúng. Sau cùng, một rợ khách, rợ Mông Cổ diệt được Liêu và Kim, rồi diệt luôn cả Tống nữa. Lần này là lần đầu tiên dân tộc Hán hoàn toàn mất chủ quyền, toàn cõi non sông Trung Hoa nằm

dưới gót ngựa Mông Cổ trong non một thế kỷ : 90 năm (1277-1367).

Qua đời sau, đời Minh, dân tộc Trung Hoa đuổi được rợ Mông Cổ đi, giành lại độc lập trong 276 năm (1368-1644), rồi lại bị rợ Mãn Châu thống trị 267 năm (1644-1911). Vậy là trong 633 năm (1277-1911) dân tộc Trung Hoa chịu sự thống trị của các rợ 357 năm, chỉ tự chủ được 276 năm.

Vì vậy tôi gọi thời đại Nguyên, Minh, Thanh là thời suy của dân tộc Hán. Suy chẳng những vì mất chủ quyền rất lâu, mà còn vì về văn hóa, tuy vẫn tiến bộ được ở vài điểm, nhưng không còn rực rỡ bằng Đường, Tống nữa.

A. CHÍNH SÁCH CỦA MÔNG CỔ

1. Chính sách chung của các rợ.

- Họ luôn luôn đợi lúc Trung Hoa suy, có nội loạn mới tấn công mà tấn công thì dùng những người Trung Hoa ở miền biên giới làm cố vấn, dắt dẫn;

- Chiếm được đất rồi, họ dùng chính sách chia để trị : chia rẽ giống này với giống khác, giới này với giới khác;

- Họ phải dùng người Hán để thu thuế, cai trị người Hán; nếu có thể được, họ dùng ngoại nhân (như các rợ đã Hán hóa, thương nhân Ả Rập, Hồi Hồi...)

- Văn minh họ kém, thường họ không có chữ viết; nên họ phải theo chế độ, văn minh Trung Hoa, ngay đến tên triều đại, miếu hiệu, niên hiệu, cũng dùng tên Trung Hoa.

- Lâu rồi thì họ Hán hóa, mất tinh thần hiếu chiến, ham hưởng lạc, mà suy nhược, bị người Hán quật lại, đuổi đi; lúc đó đất đai của họ thành đất đai của Hán, người Hồ nào ở lại thì thành người Hán, do đó tổ quốc Trung Hoa lại rộng thêm, đông dân thêm;

- Họ biết vậy, nên có rợ như Liêu, giữ một phần đất ở ngoài Vạn lý trường thành, không cho Hoa hóa, để khi bị đuổi khỏi Trung Hoa thì họ trở về đó.

2. Kỳ thị Trung Hoa.

Mông Cổ cai trị Trung Hoa cũng theo chính sách đó, nhưng cực kỳ tàn nhẫn, không kém bọn thực dân da trắng đối xử với dân bản xứ da đen ở Nam Phi ngày nay.

Hồi Hốt Tất Liệt mới lên làm vua Trung Hoa, đổi quốc hiệu là Nguyên, tức Nguyên Thế Tổ, một viên thượng thư Mông Cổ khuyên ông ta : “Tại Trung Hoa này không ích gì cho chúng ta hết, nên đuổi hết chúng đi, dùng ruộng của chúng để làm cánh đồng cỏ nuôi ngựa”. Một viên thượng thư khác đưa ý kiến : “Phải tận diệt năm gia tộc lớn nhất của Trung Hoa để chúng khỏi cầm đầu phong trào chống lại chúng ta”.

Cũng may Thế Tổ không nghe lời họ mà nghe lời một cựu tể tướng Khiết Đan tên là Da Luật Sở Tài, dùng người Trung Hoa trong việc trị nước. Ông ta hiểu rằng không thể cai trị người Trung Hoa như cai trị các dân tộc khác trong đế quốc, cho nên ông tách Trung Hoa ở phía dưới Trường Thành thành một nước riêng, có chế độ riêng; còn phần ở phía trên Trường Thành, tuy cũng thuộc về ông, nhưng vẫn theo chế độ cũ của Mông Cổ, phong tục Mông Cổ. Ông lại bỏ kinh đô cũ Karakorum mà lập Đại đô ở Bắc Kinh ngày nay, mặc

dầu Karakorum thời đó là nơi tụ họp gần đủ các giống người từ Đông qua Tây.

Nhưng ông đặt ra những luật kì thị chủng tộc, điều mà từ trước chưa hề thấy ở Đông Á. Xã hội chia làm bốn hạng người : Đứng đầu là người Mông Cổ, nhiều đặc quyền nhất; rồi tới các dân tộc không phải là Hán ở Trung Á, như Khiết Đan, Uy Ngô Nhi, Tây Tạng... mà văn hóa và huyết thống, phong tục gần với Mông Cổ; hạng này gọi chung là “sắc mục” được hưởng một số đặc quyền, hạng thứ ba là người Hán ở phía Bắc mà họ cho là đã đồng hóa ít nhiều với các rợ, đáng tin cậy một chút, cuối cùng là người Hán ở miền Nam bị kì thị nhất vì đã chống lại họ mạnh nhất.

Đó là về giống người, về giai cấp trong xã hội thì họ chia làm mười : 1- Quan lớn ở triều đình (đều là người Mông Cổ), 2- Quan nhỏ ở địa phương, 3- Lạt ma (thầy tu Tây Tạng), 4- Đạo sĩ, 5- Y sĩ, 6- Thợ và người làm tiểu công nghệ, 7- Thợ săn, 8- Làm các nghề họ cho là đáng khinh như con hát, 9- Nhà nho, 10- Ăn mày.

Mới đầu người Trung Hoa Bắc và Nam không được thi cử, không được lãnh một chức gì dù là nhỏ, trong chính quyền. Về sau họ được thi, nhưng phải thi riêng, không được thi chung với người Mông Cổ và các người sắc mục. Nếu họ đậu tiến sĩ thì tên nêu trên một bảng riêng ở bên trái, bảng bên phải dành cho người Mông Cổ và người sắc mục. Dĩ nhiên hai hạng người sau dù bài kém cũng được tuyển. Gần đây Hoa lục cũng dùng lối phân biệt đó đối với thí sinh trong giai cấp vô sản, và nước ta hiện nay cũng vậy.⁽¹⁾ Sau cùng người Hán

(1) Tác giả viết trước năm 1984 (BT)

nào được bổ dụng thì bắt buộc phải học tiếng Mông Cổ, và theo đạo Hồi, ít nhất là bề ngoài, đạo mà Mông Cổ che chở.

Có thời, người Hán bắt buộc phải bỏ y phục cùng cổ tục, ăn mặc theo rợ Hồ, cài áo bên trái, tay hẹp, tóc thả xuống sau lưng.

Luật pháp đối với họ rất khắt khe : Không được có vợ Mông Cổ hoặc sắc mục. Mắc tội ăn cắp thì người Mông Cổ chỉ bị phạt vạ, còn người Hán thì lần đầu bị xâm vào cánh tay bên trái, lần thứ nhì vào cánh tay bên mặt, lần thứ ba vào cổ để mọi người trông thấy. Nếu giết một người Mông Cổ hay sắc mục thì người Hán phải chịu tử hình và gia đình phải chịu phí tổn ma chay - dĩ nhiên là nặng - cho thân nhân người chết. Trái lại, kẻ bị giết nếu là Trung Hoa mà kẻ sát nhân là người Mông Cổ hay sắc mục thì có thể viện lẽ là trong cơn say rượu hoặc trong lúc tranh luận hăng quá, lỡ tay, và chỉ bị phạt và hoặc cùng lắm là đày ra biên giới.

Ruộng, ngựa của người Trung Hoa, Mông Cổ muốn chiếm thì chiếm.

Một sắc lệnh ban năm 1337 cấm người Trung Hoa giữ khí giới, vậy là họ không thể săn bắn được vì cung, tên cũng là khí giới.

3. Nhưng tiếp đón mọi dân tộc.

Điều làm xáo trộn phong tục và xã hội Trung Hoa nhất là chính sách coi trọng công thương, mà ức sĩ, đặt kẻ sĩ ở cuối thang xã hội, chỉ trên bọn ăn mày, khiến kẻ sĩ có tư cách không chịu hợp tác với họ, một

số vô rừng ẩn dật, và gặp thời cơ thì cầm đầu phong trào phản Mông.

Vậy Mông không muốn dùng Hán mà Hán cũng không muốn hợp tác với Mông, do đó người Mông vốn chủ quan chiến tranh, không biết cai trị, phải dùng nhiều quan lại ngoại nhân, tạo nên một chế độ siêu quốc giới (cosmopolite) như người Ý Marco Polo cai trị Dương Châu (coi ở sau), một người Ả Rập cai trị Vân Nam (do đó mà ở Vân Nam Hồi giáo thịnh hơn các tính khác).

Để quốc Mông Cổ lan từ Đông Á, qua Trung Á, tới Nga và một phần Tây Âu, nên sự giao thông từ Trung Hoa qua châu Âu rất yên ổn, dễ dàng, và lần đầu tiên trong lịch sử, Đông Tây tiếp xúc thẳng với nhau. Trong một thế kỷ, từ 1240 tới khoảng 1340, người Âu qua Hoa Bắc (mà họ gọi là Cathay) bằng nhiều đường; từ phía Nam nước Nga băng qua những cánh đồng cỏ mênh mông của Trung Á, đường đó khó đi nhất, hoặc vượt Hắc hải, rồi theo con đường chở lụa của thời trước, qua những ốc đảo ở Trung Á, đường này dễ đi, hết thấy các thương nhân đều dùng; hoặc do đường biển tới Syrie rồi từ đó tới Bagdad, vô Trung Á. Còn một điều nữa, dùng biển vượt Ấn Độ Dương, tới Nam Á rồi lên Quảng Châu. Đường này người Âu ít dùng vì thường bị người Ả Rập chặn.

Thời nhà Nguyên, Cảnh giáo hơi phát đạt ở Trung Hoa, vì mẹ của Hốt Tất Liệt, và có lẽ một Đại hân (vua Mông Cổ) nữa theo đạo đó. Tại nhiều miền Trung Hoa có tín đồ Cảnh giáo và một số làm quan cho nhà Nguyên.

Sau Cảnh giáo tới Công giáo. Giáo hoàng La Mã

bốn năm lần phái sứ thần tới triều đình Nguyên để kết thân, xin mở giáo đường, để truyền giáo. Hai sứ thần quan trọng nhất là tu sĩ John Hontecorvino và tu sĩ Odoric of Marignolli, cả hai đều là người Ý tu theo dòng Saint Francois d'Assise. Họ đều được vua Nguyên tiếp; chính sách của Mông Cổ là mở rộng biên cương cho mọi tôn giáo, mọi người ngoại quốc vô và dùng họ trong công việc buôn bán, cả trong việc hành chính nữa. Họ chỉ kì thị người Trung Hoa thôi.

Họ có nhiều cảm tình với người Ả Rập, cho dựng nhiều giáo đường Hồi, năm 1250 dùng một người Ả Rập làm viên quản đốc tối cao các tàu buôn ở miền Phúc Kiến.

Người ngoại quốc được trọng dụng nhất là Marco Polo, mà tập du kí nhan đề là *Le Livre de Marco Polo et des merveilles d'Asie* (Cuốn sách của Marco Polo về các kì quan của châu Á) làm người Âu thời đó chóa mắt về phương Đông, thành một tác phẩm bất hủ (hiện nay vẫn còn nhiều người đọc) ảnh hưởng rất lớn, mở đầu cho cuộc trao đổi vật chất và tinh thần giữa Đông Tây, việc phổ biến thuật làm giấy, nghề in, cách dùng thuốc súng.... ở phương Tây.

Thời đó vào thế kỷ XIII, hai thương nhân Ý ở Venise (một trung tâm thương mại quan trọng trên bờ Địa Trung Hải), Maffeo và Nicolo Polo chở nhiều đồ trang sức và bảo ngọc lại bán ở Constantinople. Bán có lời, họ vượt biên giới vào đất Mông Cổ để tiếp tục làm ăn. Một viên quan Mông Cổ mời họ theo ông ta tới Bắc Kinh, vua Mông Cổ thích bảo ngọc lắm, sẽ mua cho. Họ nghe lời, tới Bắc Kinh, được Hốt Tất Liệt tiếp và nhờ mang một bức thư về trình lên Giáo hoàng.

Giáo hoàng Grégoire X lại phái Nicolo đem bức thư trả lời về Trung Hoa. Lần này Nicolo dắt theo em là Maffeo và con trai là Marco mới 17 tuổi. Cả ba đều được triều đình Mông Cổ tiếp đãi long trọng, và thanh niên Marco rất thông minh, khéo léo, được vua Mông Cổ mến, tin, giao cho nhiều việc (như nhận xét về địa hình), sau cùng cho một chức quan trọng ở Dương Châu (có sách nói là chức thái thú, có sách bảo là coi việc khai thác và bán muối).

Marco ở Trung Quốc 17 năm, sau nhớ quê hương, xin về. Vua Mông Cổ bằng lòng và phái chàng đưa một công chúa Mông Cổ đã hứa gả cho vua Ba Tư. Sau 18 tháng lênh đênh trên biển họ mới tới vịnh Ba Tư, đưa công chúa lên bờ rồi, Marco tiếp tục lại Constantinople với tới Venise năm 1295. Ông kể những kì quan ở Trung Hoa cho người đồng hương nghe, bảo vua Mông Cổ mỗi năm thu được từ 10 đến 15 triệu đồng tiền vàng, thần dân có tới mấy chục triệu, cái gì cũng tới số triệu, không ai tin ông mà còn mỉa ông là nói láo, gọi ông là “chú triệu”. Ít lâu sau, ông bị bắt làm tù binh trong một trận giữa Venise và Gênes; và ở trong khám ông kể lại hồi kí cho một người chép lại thành cuốn “*Du kí của Marco Polo*”.

Ngoài ảnh hưởng của đạo Hồi, đạo Ki Tô, còn phải kể thêm sự công hiến của các dân tộc phương Bắc (Khiết Đan, Kim, Mông Cổ), nhất là Tây Tạng : Tu viện Lạt Ma giáo được dựng lên, một tu sĩ Tây Tạng, Phagepa, Trung Hoa phiên âm là Bát Tư Ba tạo cho Mông Cổ một thứ chữ viết tượng thanh (phonétique) khác hẳn chữ Trung Hoa. Một kiến trúc sư xứ Népal (Ấn Độ) xây dựng lại một ngôi đền.

Rồi những kỹ thuật nói về đồ sứ (đồ Cloisonné : Thất bảo ?), về cách dệt thảm, cách nấu rượu, cả về thiên văn học, về môn vẽ bản đồ, Trung Hoa cũng rút kinh nghiệm được của Á Rập. Vì vậy mà Lombard bảo Trung Hoa đời Nguyên là một cái “lò văn hóa” (creuset culturel), và Simon Leys trong *Ombres chinoises* (Paris 1975) bảo nếu nhà Minh và nhà Thanh biết theo chính sách “khai quan” (mở cửa) đó thì Trung Hoa đã tiến bộ như phương Tây rồi.

Người Trung Hoa không phải chỉ tiếp thu mà thôi. Họ cũng truyền bá văn hóa của họ qua phương Tây bằng những con đường từ Đông qua Tây. Thời Mông Cổ toàn thịnh, có hàng ngàn thương nhân Trung Hoa túa ra khắp nơi trong đế quốc Mông Cổ, tới Nga, Ba Tư, Mésopotamie (miền Lưỡng Hà). Các dân tộc đó học được của họ thuật chế tạo thuốc súng, nghề in, cách dùng giấy bạc, cách dùng thuốc trị bệnh, những phát minh về y khoa. Mà thương nhân ngoại quốc tới Trung Hoa cũng rất đông : riêng Tràn An có tới 2.000 thương điểm của ngoại nhân.

Nhiều kĩ sư Trung Hoa giúp Mésopotamie trong việc thủy lợi; một nhà bác học Á Rập, Rashid ud-Din, giao thiệp với y sĩ Trung Hoa và viết một cuốn truyền bá y học Trung Hoa tại Tây Á.

Văn minh Trung Hoa sở dĩ được truyền bá rộng như vậy chính là nhờ Mông Cổ. Trong cái họa cũng có cái phúc.

4. Tính mở mang thêm đế quốc.

Đế quốc của Nguyên đã mở rộng lớn quá rồi mà Hốt Tất Liệt vẫn muốn mở mang thêm ở Đông Á.

Trước hết là chiến tranh xâm lăng Nhật Bản (1281). Chẳng may cho Mông Cổ, hạm đội của họ chưa đổ bộ lên đất Nhật thì bị đông tố phá tan tành. Trong chiến tranh đó, dân Trung Hoa phải đóng tàu và bị bắt lính. Nếu trận đó mà thắng, Mông Cổ chiếm được Nhật thì rất có lợi cho Trung Hoa; họ được thêm một trị trường. Thua trận đó, Hốt Tất Liệt vẫn chuẩn bị để vượt biển một lần nữa, nhưng từ năm 1284 họ lo xâm chiếm Việt Nam nên tạm gác Nhật Bản lại.

Hai lần họ đưa quân qua nước ta (thời vua Trần Nhân Tông), hai lần họ đại bại, từ 1285 đến 1288, Hưng Đạo vương tuy thắng họ, nhưng xử nhũn, sai sứ cầu hòa, chịu nộp cống. Họ đòi vua Nhân Tông phải qua châu ở Bắc Kinh, vua kiếm cơ thoái thác. Việc làng nhàng chưa ngã ngũ thì Hốt Tất Liệt chết và vua kế vị là Thành Tông bãi binh luôn.

Họ lại đem đại đạo hùng binh qua ngã Vân Nam để xâm lăng Miến Điện, năm 1287, chiếm được Pagan rồi cùng phải rút về.

Năm 1292-1293 họ dùng hải quân tấn công Java, cùng thất trận nữa.

Theo Lombard, các học giả phương Tây còn đương tìm hiểu do nguyên nhân sâu xa nào họ thành công ở Trung Hoa mà thất bại ở Đông Nam Á.

Có điều này đáng để ý trong những chiến tranh đó là họ dùng nhiều tướng, nhiều lính Trung Hoa, chiến thuyền đều do dân Trung Hoa cung cấp hết. Có thể người Trung Hoa cũng mong cho họ thành công. Nếu họ chiếm Nhật Bản, Java, Miến Điện thì dân Trung Hoa kiểm soát được những đường thương mại miền đó và ngoại thương sẽ rất phát đạt, mà chưa biết chừng

khi họ bị trục xuất ra khỏi Trung Hoa thì nhà Minh sẽ nối họ làm chủ Nhật, Mien, Java.

5. Chế độ chánh trị.

Dân tộc Mông Cổ gồm khoảng 2 triệu rưỡi người, một số lớn ở lại tổ quốc miền Hắc Long Giang, một số rải rác từ Đông qua Tây tại các Hân quốc ⁽¹⁾ riêng ở Trung Hoa có nhiều lắm là một triệu người (kể cả các người Khiết Đan, Nữ Chân... anh em với Mông Cổ), quân đội lúc đầu độ 250.000 người. Hốt Tất Liệt không thể diệt hết người Trung Hoa hoặc di cư họ hết đi nơi khác được để biến Trung Hoa thành những đồng cỏ, thì tất nhiên phải giữ nền văn minh nông nghiệp của Trung Hoa, và theo chế độ Trung Hoa thì mới cai trị được. Theo chế độ Trung Hoa tức là theo đạo Khổng, theo tổ chức xã hội cùng văn hóa Trung Hoa. Như vậy là bắt đầu Hoa hóa rồi.

- Về *hành chánh*, nhà Nguyên theo chế độ Đường, Tống, triều đình gồm cả ba cơ quan phân lập : Trung thư tỉnh coi về chính vụ, Khu mật vụ coi về quân vụ, ngự sử đài lãnh nhiệm vụ giám sát.

Ở địa phương thì có một sự thay đổi. Các thời trước, địa phương chỉ có lộ, phủ, châu, nhà Nguyên chia lại Trung Hoa thành 12 miền rất rộng, như miền Hà Nam, Hồ Bắc, An Huy, Giang Tô ngày nay. Sự tổ chức về hành chánh của mỗi miền cũng như cơ quan trung thư tỉnh ở trung ương, vì vậy mỗi miền gọi là hành trung thư tỉnh, 12 miền gọi là thập nhị hành trung thư tỉnh, tuy *trực thuộc trung ương, nhưng quyền rất lớn*. Dưới hành trung thư tỉnh có lộ, phủ, châu, huyện....

(1) Nước của Khá hân (vua Mông Cổ).

như trước. Đó là nguồn gốc của chế độ hành tỉnh đời sau, mà cũng là bước đầu của sự khuếch trương trung ương chính quyền tới toàn cõi đế quốc. Trung Cộng và Việt Nam ngày nay đều theo chính sách đó.

- Về *Binh chế*, có thể chia làm hai bộ : Ở triều đình là quân túc vệ, ở địa phương là quân trấn thủ. Quân túc vệ trực thuộc nhà vua hoặc một đại thần do lệnh nhà vua.

Quân trấn thủ thuộc Khu mật vụ phân phối. Quân đội Hoa Bắc đưa xuống ở Hoa Nam vì Mông Cổ không tin người miền Nam.

Kỷ luật rất nghiêm, từ trên xuống dưới, hễ bất tuân lệnh thì đều bị trừng trị nặng. Khi gặp kẻ thù, họ tấn công liền, mỗi kỵ binh bắn ba bốn mũi tên, nếu không phá được quân địch thì họ rút lui, nhử cho địch đuổi theo, tới một chỗ đã đặt quân phục kích, họ quay trở lại, ba mặt đánh vào địch. Họ có nhiều mưu, có một tổ chức chặt chẽ, khí giới rất tốt, đã biết dùng đại bác nhỏ để công phá thành địch.

- *Học và thi*

Ở kinh đô có các trường Quốc tử học, Y học, Âm dương học.

Quốc tử học chia làm ba loại : Mông Cổ học, Hán học, Hồi học. Mông Cổ quốc tử học dạy cả toán học, dùng bộ *Thông giám tiết yếu* của Trung Hoa dịch ra tiếng Mông Cổ để dạy. Hán học Quốc tử học dạy Hiếu kinh, Tứ thư, Ngũ kinh... mỗi năm thi, được điểm cao thì lên cấp trên. Hồi Quốc tử học dạy Hồi văn. Như vậy đủ biết thời đó người theo Hồi giáo khá đông, Mông Cổ dùng họ trong việc trị nước và giao thiệp với người nước ngoài.

Ở địa phương, mỗi lộ đều có trường dạy y học, Âm dương học, và dạy thêm chữ Mông Cổ và chữ Hồi.

Nhà Nguyên mở trường và lập thư viện nhiều hơn đời Tống. Mới đầu Hốt Tất Liệt nghe lời của Viên Trung thư lệnh gốc Khiết Đan là Đa Luật Sở Tài, đặt ra khoa cử, dùng nho thuật để tuyển nhân tài. Nhưng không lâu thì bãi bỏ. Tới đời Nhân Tôn (1311-1316) dùng lại chế độ khoa cử, tuyển người theo đức hạnh, kinh thuật và kiến thức về nghề nghiệp (kỹ thuật). Như trên tôi đã nói, có sự kỳ thị người Trung Hoa : Họ phải thi riêng, qua ba trường, còn người Mông và người Hồi chỉ qua hai trường thôi, khỏi phải qua trường từ chương của người Trung Hoa. Chấm bài thi của người Trung Hoa cũng gắt hơn, nếu đậu thì tên nêu ở một bảng riêng và không chắc gì đã được bổ dụng. Con những công thần, thế tộc Mông và sắc mục chẳng cần phải thi cũng được làm quan.

- *Thuế vụ.*

Dân đời Nguyên phải nộp thuế khá nặng, ngoài những thuế đinh và điền như đời Đường, còn phải nộp thêm tư và tiền cho nhà nước. Tư thì cứ hai nhà mỗi năm nộp một cân cho quan, năm nhà mỗi năm nộp một cân cho tước vương, hậu phi, công chúa, công thần (như vậy là mỗi năm mỗi nhà phải nộp $1/2 + 1/5$ cân tư cho nhà nước); tiền thì mỗi nhà mỗi năm phải nộp bốn lạng bạc, hai lạng bạc thực còn hai lạng bằng hàng, lụa.

Nhà Nguyên dùng một bọn tham tàn để quản lý tài chánh, chính sách thuế khóa rất hà khắc, chúng đặt ra tới ba chục thứ thuế ngoại ngạch, dân chúng rất khổ sở.

- *Pháp luật.*

Vì có nhiều giống người nên nhà Nguyên phải dùng nhiều thứ luật : Luật Mông Cổ, luật Hồi Hồi, luật Trung Hoa. Luật Trung Hoa thì theo luật đời Đường, nhưng nghiêm khắc hơn.

B. TÌNH HÌNH XÃ HỘI

1. Không tổ chức, bất công.

Khi 274 trung thần nghĩa sĩ tông vong cùng nhảy xuống biển theo Quảng Vương và Lục Tú Phu (1279) thì người Hán mất tổ quốc và họ chìm đắm trong cảnh nô lệ tủi nhục dưới cái ách của Mông Cổ. Đó là số phận của hầu hết các dân tộc văn minh sống bên một dân tộc dã man. Càng văn minh thì càng trọng văn hóa hơn vô bị, mà dã man thì ngược lại.

Mông Cổ chỉ muốn diệt dân tộc Trung Hoa, nhưng diệt không được vì họ đông quá : 50, 60 triệu người, mà số người Mông Cổ có thể đưa qua Trung Hoa chỉ được một triệu ⁽¹⁾. Không diệt được thì chỉ còn cách coi Trung Hoa là một thuộc địa để khai thác. Chính sách siêu quốc giới tôi đã nói ở trên có lợi về văn hóa cho cả Trung Hoa lẫn các nước khác (Trung Á, Tây Á, châu Âu), nhưng về phương diện xã hội thì nó rất có hại cho Trung Hoa. Nó làm cho xã hội Trung Hoa có nguy cơ tan rã.

Hốt Tất Liệt có chủ trương gì rõ rệt đối với Trung

(1) Họ thua thực dân da trắng thế kỷ XIX : Nhờ khéo tổ chức, Anh chỉ vài chục ngàn người nắm được cả trăm triệu dân Ấn, Pháp chỉ vài chục ngàn người nắm được cả chục triệu dân Việt.

Hoa không ? Ông không muốn cho đồng bào của ông Hán hóa, vì như vậy chẳng bao lâu dân tộc Mông Cổ sẽ bị dân tộc Hán nuốt mất. Ông có muốn cho người Hán Mông hóa không ? Chắc cũng không vì ông biết rằng công việc đó không thể thực hành được : Phải diệt một nền văn minh rực rỡ đã có trên 2.000 năm, bắt người Hán bỏ ngôn ngữ, văn tự của họ mà học tiếng Mông Cổ, phá hết ruộng lúa biến thành đồng cỏ ! Con đường thứ ba là dung hòa thì chắc ông không nghĩ tới; và lại cũng không có con đường đó.

Chính sách siêu quốc giới chẳng phải là chính sách riêng của ông, mà của chung các đại hãn khác từ Đông qua Tây. Nó có lợi cho sự cai trị các thuộc địa, mà có hại cho dân bị trị, tức cho đế quốc của Nguyên.

Xã hội Trung Hoa đời Nguyên thực tạp loạn. Biết bao nhiêu giống người, không kể những người từ Tây Á, châu Âu qua, riêng những người gọi là sắc mục (ở Trung Á) có tới 5-6 giống là ít, và số người chắc đông lắm, nửa triệu ? Một hai triệu ? Vì gồm cả những người Liêu và Kim đã làm chủ một phần phía Bắc Trung Hoa, bị Mông Cổ dẹp nhưng chịu phục tùng Mông Cổ mà xin ở lại Trung Hoa. Riêng người Trung Hoa cũng phân biệt Hán ở Bắc và ở Nam. Pháp sau này coi Nam kì của ta là thuộc địa được dễ thở hơn Bắc và Trung cũng là dùng chính sách đó.

Trong xã hội đó có tới mười giai cấp như trên đã nói. Sự sắp đặt thứ tự các giai cấp trái ngược với truyền thống văn minh Trung Hoa. Trung Hoa trọng sĩ rồi tới nông, ức công và thương. Mông Cổ khinh miệt sĩ, sắp vào hàng thứ chín, trên kẻ ăn mày, không nói đến nông; mà dân Trung Hoa theo nông nghiệp thời đó có

thể 95% làm nghề nông! Chính Mông Cổ và sắc mục cũng phải sống nhờ sức lao động của nông dân Trung Hoa. Mông Cổ chỉ trọng thương nhân, công nhân, nghĩa là chỉ thích vợ vét, làm giàu, mà thương nhân cũng không thấy trong bảng giai cấp đó. Lại thêm thiếu một giai cấp : Nô lệ. Các tù binh Trung Hoa, bọn nông dân bị cướp đất, vô gia cư, vô nghề nghiệp đều bị Mông Cổ bắt làm nô lệ, phân phát cho các quan lớn nhỏ Mông Cổ hoặc sắc mục.

Trong khoảng 40 năm đầu, nhà Nguyên không dùng Nho học để tuyển nhân tài, từ đời Nhân Tôn mới cho người Hán, rồi người Hoa Nam được ứng thí. Trong số người được bổ dụng, 4 phần 5 là người Mông và Sắc mục, chỉ có 1 phần 5 là người Trung Hoa. Chế độ chính trị, từ tổ chức chính quyền tới vô bị, thuế khóa... đều theo Trung Hoa, đáng lí thì phải dùng văn tự Trung Hoa làm chính, dùng nhiều quan lại Trung Hoa, mà ngược lại, số quan lại Trung Hoa rất ít, còn văn tự thì không thống nhất. Mông Cổ vốn không có văn tự, khi chiếm được Ủy Ngô Nhi (Uighur) thì dùng văn tự của Ủy Ngô Nhi; chiếm được Trung Hoa, dùng văn tự của Trung Hoa, của Ủy Ngô Nhi, cả của Hồ nữa. Sau nhờ một vị Lạt ma (tu sĩ) Tây Tạng là Bát Tu Ba đặt cho một thứ chữ riêng (dùng trên 20 mẫu tự để ghi thanh), vua Nguyên bắt dân dùng nhưng hình như thất bại, ít người theo. Không có một văn tự thống nhất, sự trị nước tất khó khăn, xã hội tất rời rạc.

- Lại thêm thiếu một tín ngưỡng chính. Mông Cổ vốn không có tín ngưỡng, chiếm được nước nào thì theo tín ngưỡng nước đó. Họ theo nhiều nhất đạo Lạt Ma (một phái Phật giáo ở Tây Tạng, thờ Phật sống), đạo Hồi, nhưng cũng có người theo Ki Tô giáo, Nho giáo,

Đạo giáo. Phật giáo ở Trung Hoa, họ không ưa (có lẽ vì cao siêu quá đối với họ), có khi bị họ làm khó nỡ. Còn Nho giáo thì chỉ được một số nhỏ theo thôi. Lại nhất là Hốt Tất Liệt ngay từ đầu đã dùng chế độ chính trị (tổ chức triều đình, lễ nghi, cả miếu hiệu, niên hiệu...) của Trung Hoa, cũng tế trời đất, thờ thượng đế, thờ tổ tiên, tức theo đúng đạo Nho, mà lại miệt thị nhà Nho, thật là mâu thuẫn. Ông ta quả không có chính sách, chủ trương gì cả.

- Họ chỉ theo hình thức của đạo Nho thôi, còn cái tinh thần của Khổng Mạnh (trọng ý muốn của dân, can thiệp vừa phải vào đời sống của dân...) thì họ không theo. Sự thực họ coi người Trung Hoa không phải là dân của họ mà chỉ là một bầy nô lệ.

Lữ Chấn Đạt (*Giản minh Trung Quốc thông sử*), trích rất nhiều đoạn trong *Nguyên sử*, *Tân Nguyên sử* về chính sách tàn bạo của Mông Cổ, tôi chỉ lựa một số để đọc giả thấy nhiều biện pháp của họ sao mà y hệt những biện pháp của một số dân tộc cực văn minh da trắng và da vàng ở thời đại chúng ta đến thế.

Họ :

- Cấm người Hán (phương Bắc) không được giữ vũ khí và ngựa, những thứ đó bị tịch thu hết. Ở Hoa Nam, còn gắt hơn nữa : Năm nhà mới được có một con dao cắt thịt để dùng chung. Lệnh này bốn chục năm trước tôi cứ tưởng là chỉ có người Nhật mới nghĩ ra được để áp dụng với dân Mãn Châu, nay thì tôi ngờ rằng họ đã thuộc lịch sử Mông Cổ (nhà Nguyên).

- 50 nhà hợp thành một xã, có xã trưởng kiểm soát, ghi tên những kẻ trong xã du thủ, không làm ăn

gì cả, hoặc không tuân lệnh cha mẹ, để khi nào quan “đề kiểm” Mông Cổ tới xét thì khai báo.

- Xã trưởng cũng phải ghi tên những kẻ hung ác vô đạo lên cửa nhà chúng ở.

- Hễ tụ tập kết xã thì bị tội, đọc cấm thư, phúng thích triều đình thì bị tội đồ (đày đi xa).

- Bài văn, bài từ hoặc khúc (tuồng) nào có lời phạm thượng thì tác giả bị tử hình.

- Người Mông Cổ và người sắc mục thường bắt cóc trai gái Hán đem bán nước ngoài (nay chúng ta gọi là xuất khẩu người) mà không bị cấm.

- Họ và bọn tăng đạo (nói chung là bọn theo các tôn giáo) thường cướp ruộng đất của dân mà không bị cấm.

- Mông Cổ và sắc mục không được Hán hóa, không được thông hôn với Hán, mô phỏng tục Hán.

2. Kinh tế lụn bại.

Đầu thời Hốt Tất Liệt, kinh tế kha khá được một chút nhờ hết chiến tranh, chủ điền Trung Hoa ở miền Nam không bị tịch thu đất đai, lại khai thác được, và nhờ ngoại thương với các nước Trung Á.

Nhưng Trung Hoa vốn là nước nông nghiệp, kinh tế phát đạt hay không là nhờ sức lao động của nông dân, mà nông dân bị ngược đãi, bóc lột quá nên nghề nông suy mà kinh tế phải lụn bại.

Mông Cổ và sắc mục ai cũng có thể cướp đất của nông dân được. Triều đình cấp những đồn điền mênh mông cho các đại thần và cả cho chùa theo Lạt Ma giáo. Rất nhiều ruộng ở phương Bắc biến thành đồng

cỏ. Bọn nông dân mất đất thành lưu vong, một số bị bắt làm nô lệ.

Hốt Tất Liệt bỏ kinh đô cũ của Mông Cổ là Karakorum mà dời xuống Đại Đô, tức Bắc Kinh ngày nay. Như vậy là phải vì miền màu mỡ nhất của đế quốc là Trung Hoa; vả lại từ Đại Đô có thể tiếp xúc dễ dàng với các miền khác của đế quốc, mà khi nào nóng nực quá, người Mông Cổ chịu không nổi khí hậu Đại Đô thì họ về nghỉ mát ở Mông Cổ cũng gần.

Đế quốc rộng, số quan lại ở kinh đô rất lớn, thuộc nhiều giống người, phải xây cất dinh thự và nha thự. Triều đình ra lệnh trưng dụng công nhân ở mọi nơi, nhất là nông dân Trung Hoa. Bọn này phải bỏ ruộng ở quê để lên kinh đô, mãn hạn làm xấu, trở về làng thì có khi ruộng không người cày, bị chiếm mất rồi, họ thành dân lưu vong.

Dân ở kinh đô tăng nhanh, tới một triệu phải chở lúa từ miền Nam lên nuôi họ, chở bằng đường biển, đường kinh. Thế là phải đóng nhiều thuyền, đào, vét kinh. Nông dân Trung Hoa cũng phải chịu cái gánh đó nữa. Nhà Nguyên năm 1289 lại còn sai lát đá một con đường theo kinh Vận Hà từ Hàng Châu lên Đại Đô, dài trên 1000 cây số, phải dùng tới 2.500.000 dân.

Vậy là số ruộng giảm đi, dân Trung Hoa vừa phải làm xấu, vừa phải nuôi giai cấp quan lại, địa chủ cũ, thêm một triệu người Mông Cổ và ít nhất là một triệu người sắc mục nữa. Đời sống của họ thật điều đứng.

Dân nghèo thì nhà nước không giàu được. Vì thu thế được ít.

Bọn thương nhân nhỏ trong nước tạm sống được. Giàu nhất là bọn thương nhân sắc mục và Hồi, Á Rập.

Họ được triều đình ưu đãi, khỏi phải đóng thuế, kiểm được lợi thì gởi về nước họ, thiết thời cho nhà Nguyên vì vàng, bạc, đồng chạy ra ngoại quốc; triều đình phải in giấy bạc, cứ vài ba năm in lại một lần, mỗi lần in lại thì lạm phát thêm một chút, tiền mất giá, dân mất lòng tin, rốt cuộc nhà nước hóa nghèo, nghèo thảm hại.

Triều đình phải tăng thuế, chỉ đánh vào đầu dân nghèo, họ trốn thuế, làm tăng số người lưu vong và số người oán Mông Cổ lên.

Tóm lại, từ trên xuống dưới, người Mông Cổ chỉ cướp bóc trắng trợn dân Trung Hoa. Bọn Marco Polo và người Âu, người Ả Rập qua Trung Hoa chỉ được thấy cảnh huy hoàng ở kinh đô và một số thị trấn lớn, chứ không biết cảnh khổ của dân Trung Hoa, nên về nước họ mới hết lời ca tụng sự giàu có của Trung Hoa thời Nguyên.

3. Nguyên nhân suy vi.

- Chính sách xã hội tàn bạo, ngu xuẩn.

- Không thể nào cai trị một dân tộc như Trung Hoa mà chỉ dùng ngoại nhân (Mông Cổ, sắc mục), không cần sự hợp tác của Trung Hoa được, và chính sách kinh tế đại đột kế trên là hai nguyên nhân quan trọng gây sự suy vi của nhà Nguyên, khiến cho dân Trung Hoa từ trên xuống dưới đều thâm oán Mông Cổ. Họ tạm chịu được rợ Liêu, rợ Kim mà không sao chịu được rợ Mông. Chỉ một số ít Hán gian có học là chịu hợp tác với triều đình Nguyên; kẻ sĩ có tư cách phải trốn vào rừng, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, người thì viết tiểu thuyết, viết tuồng, người thì vẽ cảnh thiên nhiên để tiêu ma ngày tháng hoặc gởi gắm nỗi

lòng. Nông dân thì họp thành hội kín, chờ ngày nổi loạn.

- Nguyên nhân thứ ba cũng rất quan trọng là triều đình nhà Nguyên loạn ngay từ khi Hốt Tất Liệt chết, và do chính Hốt Tất Liệt gây ra.

Theo tục Mông Cổ, thì khi một Khả hãn (vua) chết, các thân vương, các người quan trọng trong hoàng tộc và các đại thần họp nhau để bàn vị Khả hãn lên nối ngôi. Hốt Tất Liệt độc tài, cho chỉ mình có công chiếm Trung Hoa, non sông Trung Hoa là của riêng mình, chẳng cần hỏi ý Cơ mật viện mà tự ý truyền ngôi cho thái tử theo tục Trung Hoa, và triều đình Nguyên phải chịu ngay hậu quả tai hại của chính sách truyền tử chứ không truyền hiền của nhà Chu đó, chính sách mà Khổng tử miên cưỡng chấp nhận chứ không thích.

Đại thần và hoàng tộc đều bất mãn nhưng Hốt còn sống thì không dám nói ra. Nhất là một số người tự cho mình có đủ tư cách để kế vị, lại càng uất ức.

Thành Tôn nối ngôi là người cương quyết, giữ ngôi được 12 năm. Rồi từ đó mà Nguyên suy luôn. “Thần khí” - tức ngại vàng - đã lập rồi thì ai mà không ham, nó gây sự tranh giành, gây bè phái, ám sát, thoán đoạt, rồi xa hoa, dâm dật, đủ những cái tệ của chế độ quân chủ phương Đông. Coi qua bảng năm vua kế tiếp, ta thấy triều đại của họ sao mà ngắn ngủi! Chỉ trong 25 năm mà ngại vàng - thay chủ tới 5 lần, đa số chỉ giữ ngôi được 3,4 năm, không ông nào thọ quá 35 tuổi. Là vì họ mới lên ngôi, đã có người, có phe âm mưu lật họ. Có bao nhiêu ông bất đắc kỳ tử, tôi không biết. Nhưng triều thần, hoàng tộc chắc chắn là chia bè đảng thanh toán lẫn nhau rất hăng.

Những ông vua được quyền thần ủng hộ, đưa lên ngôi, không chắc chắn là có tài, mà chắc chắn là không có quyền. Kể đưa họ lên, tất là cậy công mà chuyên quyền, họ thành ra bù nhìn hết. Tới khi họ bị lật, bị giết thì phe lật, giết họ phải giết luôn phe đã lập họ. Như vậy liên tiếp một phần tư thế kỷ, triều đình Nguyên tất hóa ra vô tổ chức, bất lực, hiệu lệnh ban ra, địa phương không nghe, và hiệu lệnh của vua này mâu thuẫn với vua trước, cứ thay đổi như chong chóng, biết theo ai, theo ai cũng có thể mang họa, chẳng theo ai cả là hơn hết. Sử gia Trung Hoa chép về thời đó, bảo : “Hiệu lệnh bất thường, như trò con nít”, “nha thự tạp loạn”, “việc không qui nhất”, sau cùng tới cái mức “mỗi nhà - gia đình đại thần - tự làm chính trị, mỗi người tự coi là quốc gia” (*Nguyên sử ký sự bản末* của Trần Bang Chiêm). Mấy hàng đó đáng cho chúng ta suy nghĩ.

Tới đời vua cuối cùng là Thuận Đế, tình thế còn tệ hại hơn nữa. Ông ta giỏi chữ Hán - Hán hóa rồi - nhưng nhu nhược, dâm dục và rất mê tín, hoàn toàn bị một bọn Lạt ma đồi trụy sai khiến, nhồi như nhồi bột, tin bùa phép của bọn phù thủy và dùng những thuật rất tởm về phòng khuê để tìm khoái lạc và hi vọng trường thọ. Ông ta sai cất một cái phòng gọi là “phòng vô tội” (*Chambre de l'Innocence* - Tsui Chi dịch) trong đó ông ta tha hồ hành hạ bọn cung nữ. Các quý phi của ông ta phải khóa thân múa “Khúc Quỷ nhà Trời” (*Danse des diables célestes*) mà nội cái tên cũng đủ cho ta tưởng tượng nó ra sao rồi. Các Lạt ma mà ông tin hơn các thượng thư, dĩ nhiên cũng có mỗi người một “hậu cung” riêng.

Vua quan như vậy, còn bọn quân lính Mông Cổ ra

sao ? Họ cũng Hán hóa, nghĩa là mất hết cái vũ dũng truyền thống mà hóa ra nhút nhát, ngại khó nhọc, ngại chiến đấu, cũng chỉ ham hưởng lạc, tới nỗi một miền họ có một đảng cướp khoảng 50 tên mà triều đình phái tới 1.000 quân Mông Cổ tới mới dẹp nổi. Hốt Tất Liệt cấm dân của ông Hán hóa nhưng cấm sao nổi. Đời sống Trung Hoa có nhiều cái thú quá, nhất là đời sống ở Hàng Châu, Karo Korum làm sao sánh được. Thức ăn toàn là mỹ vị, y phục toàn là lụa gấm, thêm thanh sắc của thiếu nữ Trung Hoa nữa... Thế hệ Mông Cổ đầu tiên làm chủ Trung Hoa là thế hệ chiến sĩ có thể chống nổi với những sự cám dỗ đó, thế hệ sau sinh ở Trung Hoa tất thích sống trong lầu đài hơn là trong lều, ăn nem, chả của Trung Hoa hơn là ăn thịt ngựa và uống sữa ngựa. Vì vậy mà nhà Nguyên làm chủ Trung Hoa chưa được 90 năm đã bị đuổi về các cánh đồng của họ. Mà chẳng riêng nhà Nguyên, các Hãn quốc khác cùng vậy, cũng chỉ giữ được thuộc địa khoảng 100 năm, trừ Khâm Sát hãn quốc nằm ở phía Bắc hoang vắng, xa xôi, là tồn tại được hai thế kỷ rồi mới bị Nga diệt. Vậy một dân tộc dù hùng cường tới đâu cũng không thể thịnh hoài được; kể bị trị dù yếu tới đâu mà còn giữ được ngồn ngữ, truyền thống thì tất có lúc sẽ đuổi được kẻ thù đi.

C. NHÀ NGUYỄN BỊ DIỆT

Cuộc bạo động đầu tiên của nông dân xảy ra năm 1325 tức 45 năm sau khi Hốt Tất Liệt lên ngôi. Sử chép rằng năm đó khoảng 7.600.000 người chết đói. Đó là con số chính thức. Sự thực còn tệ hơn. Theo Eberhard thì dân số toàn quốc thời đó là 45 triệu. Vậy

là cứ 5-6 người dân có một người chết đói. Kinh khủng! Mỗi gia đình trung bình có một người.

Kế đó là nhiều cuộc bạo động nữa mà người cầm đầu luôn luôn thuộc giai cấp khốn khổ nhất : người thì bán vải, người thì đánh cá, làm ruộng, bán muối lậu... Họ nghèo đói thì nổi loạn, chứ không nhằm riêng vào tụi Mông Cổ cướp nước họ. Họ dất nhau đi đốt phá, giết chóc các nhà giàu, ngoại nhân cũng như Trung Hoa, rồi chia nhau lúa gạo, tiền của cướp được.

Các đồn lính Mông Cổ không dẹp họ được, phải cầu cứu triều đình. Thuế thu không đủ chi dụng, triều đình nghĩ ra cách bắt các nhà giàu phải đóng góp thêm thật nặng, rồi lấy tiền đó thuê những kẻ nào tự nguyện đi dẹp loạn. Giới giàu có được hưởng nhiều quyền lợi, chẳng những chịu đóng góp mà còn tự ý bỏ tiền ra thuê thêm người để bảo vệ tài sản, sinh mạng của họ nữa. Họ gián tiếp củng cố chính quyền Mông Cổ, nhờ vậy mà nhà Nguyên mới hơi hóp thêm được bốn chục năm.

Năm 1351, sông Hoàng Hà vỡ đê. Phải sửa lại dòng sông, xây lại đê, và bắt 170.000 nông dân làm xây, lại gây nhiều cuộc nổi loạn lớn nữa ở các tỉnh Hà Nam, Giang Tô, Sơn Đông, nơi bắt xây. Có đám loạn gồm trăm ngàn người. Cũng như các đời trước, nông dân nổi loạn thường ở trong các hội kín như hội Bạch Liên giáo; người lãnh đạo tuyên truyền rằng vận nhà Nguyên sắp chấm dứt và một hậu duệ đời thứ tám của vua Tống cuối cùng sẽ xuất hiện để cứu dân. Nhà cầm quyền Mông Cổ hay tin, bắt chém ông ta. Con trai ông ta lên thay, tự xưng là Tiểu Minh vương, lấy quốc hiệu là Tống, thanh thế khá lớn, có tới mấy trăm ngàn

người theo, lập một đạo quân mạnh gọi là Hồng Cân vì chít khăn đỏ, đánh phá miền Bắc. Nhưng rồi nội bộ chia rẽ vì ghen ghét lẫn nhau, sức yếu đi, bị quân Mông Cổ phản công, dẹp tan. Thế là vỡ cái mộng khôi phục lại nhà Tống. Nhưng phong trào đó cũng đã có tính cách dân tộc rồi : muốn đuổi người Mông đi. Nghĩa quân không giết các nhà giàu nữa khi chiếm được một miền nào, mà dụ họ hợp tác với nghĩa quân để khôi phục giang san; họ phải hợp tác để bảo tồn tính mạng, và một khi đã hợp tác thì không thể lùi được nữa.

Khi đã gây được cái ý đuổi Mông Cổ đi rồi thì phong trào mỗi ngày một lớn lên ở khắp nơi, nhất là trên lưu vực sông Dương Tử. Nhiều người hô hào lập đảng, tìm kẻ sĩ có khí tiết làm cố vấn.

Chu Nguyên Chương, con một nông dân, mồ côi, không còn nơi nương tựa, phải xin vào ở chùa ít năm, nhập đoàn khất sĩ. Năm 1353 ông về làng, hợp các nông dân nghèo, lập đảng¹ sát nhập vào đảng Quách Tử Hưng khởi nghĩa ở Hào Châu (An Huy ngày nay), được Quách mến, gả con gái cho. Khi Quách chết, Chu lên thay, lúc đó đảng được vài ngàn người. Nhờ khéo tổ chức, khéo giao thiệp, Chu thu phục được nhiều người trong giới sĩ tộc, điền chủ, danh vọng tăng lên. Trong số các nhà lãnh đạo nông dân, chỉ ông là có một kế hoạch tiến quân. Mới đầu ông tiến chiến được Nam Kinh một cách dễ dàng, rồi chiếm lần hết các tỉnh trừ phủ ở Đông Nam. Ông đánh đâu thắng đấy. Quân Mông

(1) Theo H.C Wells trong *Esquisse de l'Histoire universelle* (Payot) thì năm 1348 ở Trung Hoa phát bệnh hắc tử (peste noire - dịch hạch đen) ở Âu châu truyền qua, chết 13 triệu người. Họ đó có ảnh hưởng gì tới cuộc khởi nghĩa của Chu Nguyên Chương không?

Cổ kháng cự yếu ớt. Cả triều đình cũng vậy. Cơ hồ họ chán nản hết rồi. Bóc lột dân tộc Trung Hoa bảy tám chục năm, Trung Hoa nghèo rồi, bây giờ cố bám lấy đất đai Trung Hoa đã khó khăn mà không có lợi nữa, thà rút về miền quê hương của họ, bên kia Trường Thành mà lại hơn. Vì vậy từ 1355 đến 1368, Chu chỉ phải đánh những trận nhỏ, lấy lại được trọn miền Nam. Năm 1368 ông mới đưa quân lên Bắc, chiếm được Bắc Kinh một cách mau chóng, không hao quân. Thuận đế, vua cuối cùng của nhà Nguyên, nửa đêm trốn ra ngoài thành, chạy lên phương Bắc rồi qua Mông Cổ. Thế là nhà Nguyên sụp đổ hoàn toàn, gần như không chống cự. Chỉ có ít đám quân Mông Cổ ở Tây Bắc là cố giữ vị trí trong một thời gian rồi cũng tan rã.

D. VĂN HÓA

Trên tôi đã nói về tình hình xã hội và kinh tế đời Nguyên, nên trong mục cuối cùng này tôi chỉ xét về văn hóa.

- Tôn giáo nói chung khá phát đạt, nhưng Phật giáo đại thừa không thêm được một tôn phái nào; Phật giáo cổ phần bị nén mà Lạt Ma giáo được đề cao nhất, rồi tới Hồi giáo.

- Về triết học, Hán Hành đem cái học của Chu Hi truyền bá ở phương Bắc, không phát huy thêm được gì.

Một điều ngộ nghĩnh đáng ghi là một chí sĩ cuối Tống đầu Minh tên là Đặng Mục, viết hai thiên *Quản đạo* và *Lại đạo* chê chế độ quân chủ tập quyền và quan liêu là không hợp lý. Ông bảo : “Vua lấy thiên hạ làm của riêng, tàn hại nhân dân để làm vui cho mình..., thu thập thật nhiều tài vật, sợ người khác đoạt mất,

lại đặt ra quân đội, hình pháp để tự vệ như vậy thì cái họa tranh đoạt không khi nào ngưng được...”, “quan lại lớn nhỏ... chơi bời, ăn không... hại hơn là hồ báo, đạo tặc..., họ đoạt cái ăn của dân, dân làm sao khỏi oán phẫn, nổi loạn!” Chỉ có cách là phế vua, đuổi quan đi, để dân tự trị thì mới an lạc được. Chế độ quân chủ đã tới lúc bị oán quá rồi, mà mầm dân chủ đã muốn nhú.

Văn thơ.

- *Sử kí* : Một nhà quý tộc Mông Cổ, Đoái Đoái, phụng chiếu viết mấy bộ sử về Tống, Liêu, Kim, Nguyên, nhưng không có giá trị : sai lầm, thiếu sót, văn rất kém. Da Luật Sở Tài, người Khiết Đan, cũng có một bộ *Tập lục* về chiến tranh, gồm 348 quyển. Đáng kể là bộ *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm, một kẻ sĩ ẩn cư không chịu ra làm quan với Mông Cổ.

- Cổ văn kém hơn đời trước xa, tác giả chỉ mô phỏng Âu Dương Tu và Tăng Cử mà thiếu tài.

- Thơ, tình đẹp, lời nồng song thiếu phần đặc sắc.

Từ có một thể gọi là tán khúc, hơi thịnh, tác giả chán nản hết thấy, từ danh đến lợi, chỉ ca tụng thú điền viên, sơn thủy.

- Cuối đời Nguyên, tiểu thuyết viết bằng bạch thoại bắt đầu thịnh và qua đời Minh mới phát triển mạnh, nên tôi để đến chương sau sẽ xét.

- *Tuồng.*

Một ảnh hưởng quan trọng của Trung Á là nghệ thuật diễn tuồng. Từ vua quan đến dân đều thích, nên nhiều nhà văn Trung Hoa đem cả tâm lực ra soạn tuồng, nhưng không kí tên thực vì có thành kiến rằng nó không phải là thứ văn đứng đắn (người ta viết bằng

bạch thoại, nhiều câu, đoạn theo thể biến ngẫu để cho du dương, dễ ngâm), một phần cũng vì trong tuồng cổ có nhiều chỗ (chẳng hạn khi nêu gương ái quốc) bọn cầm quyền không ưa. Mặc dầu vậy, tuồng đời Nguyên có địa vị của từ đời Tống, thành tinh hoa văn học đời Nguyên, nhờ những nguyên nhân sau đây :

- Văn nhân và dân chúng bị áp bức quá, không dám thổ lộ nỗi uất hận trong câu chuyện, trong văn thơ, phải mượn tuồng để phát biểu, nhất là tuồng có sức lôi cuốn đám đông rất mạnh. Nghiến răng nguyên rửa Tần Cối (Hán gian đời Tống) tức là nguyên rửa kẻ bán nước đương thời; vỗ tay hoan nghênh Nhạc Phi tức là khuyến khích những vị anh hùng muốn rửa cái nhục vong quốc.

• Văn nhân không thể - hoặc không muốn - dùng khoa cử, thi phú để hiển danh nên đem hết tài năng ra soạn tuồng. Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử, họ cách biệt hẳn với nhà cầm quyền, quay về sống với dân chúng, chịu cảnh nhục chung với dân chúng, sáng tác cho dân chúng.

Xét về nhạc và cách điệu chung, tuồng đời Nguyên có thể chia làm :

- Bắc khúc có giọng điệu hùng, như tuồng *Tì bà kí*,
- Nam khúc có giọng điệu lãng mạn như tuồng *Tây sương kí*.

Tuồng của Việt Nam bắt chước tuồng Trung Hoa, cho nên tuồng của hai nước có những đặc điểm như nhau :

• Không theo phép tam nhất trí (règles des trois unités) như bị kịch cổ của Hi Lạp, Pháp. Ta thường thấy trong màn trước một vai còn trẻ từ biệt cha mẹ

để đi thi mà hai màn sau vai đó đã già; màn trước diễn cảnh triều đình mà màn sau diễn cảnh chiến trường cách xa cả ngàn dặm; tình tiết trong bản tuồng cũng ít khi tập trung vào một việc chính để tiến tới kết cục.

• Kết cục luôn vui (có hậu) vì nhà soạn tuồng luôn luôn có ý răn đời : tiết phụ thì được phong, nghịch tặc thì bị giết, trung thần thì được vinh...

• Cách dàn xếp không tách bạch ra từng hồi, từng cảnh như bị kịch Pháp vì sự dàn cảnh, bài trí rất sơ sài, có khi không thay đổi từ đầu đến cuối.

• Nhà dàn cảnh luôn luôn dùng qui ước mà khán giả phải hiểu : một cây roi đủ thay một con ngựa, hễ mặt đỏ rau dài thì là trung thần, mặt loang lổ, trắng đen thì là nịnh thần....

• Trong tuồng có nhiều đoạn nói lời để các vai tự giới thiệu mình hoặc tóm tắt những việc đã xảy ra cho khán giả dễ hiểu. Những vai nữ thường do đàn ông (kép) đóng thay.

Thời Mông Cổ, có tới bốn năm chục nhà soạn tuồng, nổi tiếng nhất là Quan Hán Khanh, Vương Thực Phủ, Bạch Phác, Mã Trí Viên. Họ sáng tác rất mạnh, được cả ngàn tuồng, nay không còn được đủ.

Về nội dung, ta có thể sắp làm năm loại :

• Tuồng diễn những vụ *xử án công bằng*. Xã hội đời Nguyên là xã hội bất công, dân chúng Trung Hoa bị ngoại bang áp bức, công lí không còn, dân không biết kêu ca vào đâu chỉ nuôi hi vọng gặp được những vị quan thanh liêm, công bằng như Bao Công để họ thân oan. Những tuồng *Hồ điệp mộng*, *Đậu Nga oan...* của Quan Hán Khanh thuộc loại này.

• *Tuồng nghĩa hiệp.* Có thể cả đời, hai ba đời không gặp được một vị quan thanh liêm, nhân từ, nhất là ở đời Nguyên, Mông Cổ nắm hết việc cai trị, nên người ta gặp những tay nghĩa hiệp để nhờ họ phục thù cho mau; đó là đề tài những tuồng *Tam hổ hạ sơn*, *Phong tuyết khóc hàn đình*...

• *Tuồng nhân quả.* Những bậc nghĩa hiệp cũng không dễ gì gặp được, chỉ còn cách nuốt hận và mượn thuyết quả báo của nhà Phật để tự an ủi và cảnh cáo kẻ khác. Tư tưởng đó được phát biểu trong những tuồng *Thần nô nhi*, *Lão sinh nhi*...

• *Tuồng thần tiên.* Tiêu cực hơn nữa, người ta lánh đời, đi tìm đạo tiên, lên tu trên núi để mượn tiếng chim kêu vượn hót mà quên kiếp đời khổ nhục, chẳng còn biết có vua, có nước, có Hán, có Tần, có Tống, có Nguyên nữa, như các nhân vật chính trong *Trần Đoàn cao ngọa* (của Mã Trí Viễn), *Hoàng lương mộng*...

• *Tuồng luyện ái.* Nhân quả là mơ hồ, tu tiên cũng là ảo vọng, đều không thực tế, không bằng trầm túy bên cạnh mỹ nhân, nhìn vẻ ngọc, nghe tiếng oanh mà đánh đắm nỗi sầu trong ly rượu, đó mới thực là cảnh tiên, cảnh tiên trong cõi tục. Những tuồng trong loại này nhiều nhất, được nhiều người thích vì rất lãng mạn, như *Bái nguyệt đình*, *Phong hoa tuyết nguyệt*, *Ngọc xuân đường*... Nổi danh nhất là *Tây sương kí* của Vương Thực Phủ.

Có tài nhất là *Quan Hán Khanh*. Ông soạn được 63 tuồng, nay chỉ còn 13. Hai tuồng *Đậu Nga oan* và *Cửu phong trần* rất được truyền tụng. Có người ví tuồng của ông với bộ *Sử kí* của Tư Mã Thiên, có tác giả lại so sánh nó với thơ đời Đường, họ đều nhận thấy rằng

nó có địa vị rất lớn trong văn học Trung Hoa. Ông rất khéo về kết cấu và miêu tả.

Vương Thực Phủ, tác giả *Tây sương kí*, có tài tả tâm lí một thiếu nữ đa tình bị lễ giáo kiềm thúc : mới đầu muốn yêu mà không dám, về sau khi đã yêu thì nhiệt tình vô cùng, lúc trầm mặc, lúc phóng dăng cũng rất mực.

Một học giả, Vương Quốc Duy phê bình tuồng đời Nguyên như sau : “Cái hay của tuồng đời Nguyên... có thể tóm tắt trong một tiếng là tự nhiên. (...) Vì người soạn tuồng đời ấy (...) không có ý lấy văn học cầu danh vị; cũng không có ý chôn tác phẩm vào danh sơn để lưu truyền hậu thế. Họ cảm hứng mà viết để làm vui mình và vui người; lời khéo vụng, họ không kể, ý thô lậu họ không ngại (...). Họ tả cảnh tượng trong lòng cùng tình trạng xã hội, mà cái lẽ chân thành, cái khí hùng dũng thường hiện trong văn...”

- Về các nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc, đồ sứ, dệt thảm..., Trung Hoa đều học được của Tây Tạng, Ấn Độ, Ả Rập ít nhiều như các trang trên tôi đã nói qua.

Riêng về *họa*, Trung Hoa không chịu ảnh hưởng của nước ngoài. Đời Nguyên có tới 400 danh họa gia, thịnh hơn các đời trước; cơ hồ một số lớn buồn về thời cuộc, lấy môn đó để tiêu khiển, nhiều nhà vô ấn trong núi, chuyên vẽ cảnh lâm tuyền, như những bức “*Xuân hạ ẩn cư*” của Vương Mông; “*Thủy trúc u cư*”.

Một nhóm khác trong đó có Nghê Toản tạo ra một lối mới của miền Nam; Nghê Toản có những bức *Tây Lâm thiên thất*, *Sơ Lâm cô đình* biểu hiện được cái thú nhàn tản.

Triệu Mạnh Phủ là một quý tộc Tống hàng Nguyên.

Cha con, anh em, vợ chồng đều vẽ giỏi. Bức tranh vẽ một người Hồ sẵn bán của Phủ nổi tiếng vì ghi được dũng khí của kị sĩ Hồ.

- *Khoa học.*

Đời Nguyên không phát minh được gì mà tiếp thu được của Trung Á, Tây Á, và châu Âu ít nhiều về thiên văn học, số học, cơ giới.

Về y học, Lí Cảo nổi danh, ông để lại các bộ *Nội ngoại thường biện luận*, *Tì vị luận*, hình như ông cũng nghiên cứu về châm cứu, có một bức tượng bằng đồng chỉ các huyệt trên cơ thể.